TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 271 /2017/DS-PT
Ngày 25 tháng 9 năm 2017

V/v "Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Tấn

Các Thẩm phán: Ông Đinh Chí Tâm

Ông Phạm Ngọc Giao

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Đinh Hoàng Chí - Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 25/9/2017, tại trụ sở TAND tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2014/TLPT-DS ngày 23/7/2014 về việc "Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 20/2014/DS-ST ngày 13/6/2014 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 255/2017/QĐ-PT ngày 05/9/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Phước T, sinh năm 1946. (chết)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Phước T là:

1.1. Lê Thị N, sinh năm 1965.

1.2. Lê Phước D, sinh năm 1967.

1.3. Lê Thị N1, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

1.4. Lê Phước L, sinh năm 1975.

Địa chỉ: xã H, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng Lê Thị N, Lê Thị N1, Lê Phước L là Lê Phước D, sinh năm 1967. Địa chỉ: xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 28/8/2017).

2. Bi đơn: Lê Văn Q, sinh năm 1976.

Địa chỉ: xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vu liên quan:

3.1. Lê Văn B, sinh năm 1929.

3.2. Nguyễn Thị T, sinh năm 1937.

Cùng địa chỉ: xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn B, Nguyễn Thị T là Lê Văn Q, sinh năm 1976. Địa chỉ: xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 21/3/2014). (có mặt)

3.3. Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.4. Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1945.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ là Lê Phước D, sinh năm 1967. Địa chỉ: xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 05/01/2016). (có mặt)

3.5. Lê Phước D, sinh năm 1967.

3.6. Tiêu Thị Thu H, sinh năm 1974.

Địa chỉ: xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người kháng cáo ông Lê Phước T là nguyên đơn. (chết)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Anh Lê Phước D trình bày: Nguồn gốc mua từ năm 1978, năm 1992 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vào khoảng năm 2000, gia đình anh với gia đình anh Lê Văn Q có thỏa thuận xác định ranh đất và có trồng trụ đá, đến năm 2010 ông Lê Văn B là cha của anh Q không đồng ý ranh đã thỏa thuận mà tự ý lấn chiếm phần đất của anh đầu giáp lộ dal có chiều ngang 1,1m, đầu phía sau là Om dài 45m, diện tích là 54,2m^2. Nay, anh yêu câu anh Lê Văn Q trả lại phần đất lấn chiếm.

- Bị đơn anh Lê Văn Q trình bày: Nguồn gốc đất do cha là Lê Văn B mua sử dụng từ trước năm 1975 và giao lại cho anh Q sử dụng thửa đất 54a, 54b tờ bản đồ số 08a, diện tích được cấp quyền sử dụng đất là 1.401m^2, đất của anh liền kề với đất của ông T, anh không lấn chiếm đất của ông T nên không đồng ý trả lại cho ông T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị Đ, Lê Phước D, Tiêu Thị Thu H trình bày, chúng tôi yêu cầu anh Lê Văn Q trả lại phần đất lấn chiếm cho gia đình chúng tôi.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị Lệ H, anh Lê Văn Q đại diện cho ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị T trình bày, chúng tôi không đồng ý trả đất lại cho ông T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 20/2014/DS-ST ngày 13/6/2014 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Lê Phước T, Nguyễn Thị Đ, Lê Phước D, Tiêu Thị Thu H về việc yêu cầu hộ anh Lê Văn Q trả lại phần diện tích

lấn chiếm ở thửa đất 61, tờ bản đồ số 30.

Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất 61, tờ bản đồ số 30 của hộ ông Lê Phước T với thửa đất 54a, 54b tờ bản đồ số 08a của hộ anh Lê Văn Q như sau:

Điểm Thứ I giáp lộ nông thôn (điểm thứ I cách trụ đá do ông T xác định là 25cm).

Điểm thứ II có trụ tạm (điểm thứ II cách điểm thứ I dài 25,2m cách cột nhà của ông T là 7,5m).

Điểm thứ III có trụ tạm (điểm thứ III cách điểm thứ II là 19,9m cách tim cây sao trên phần đất của ông T là 1,1m).

Nối điểm thứ I đến điểm thứ II và điểm thứ III đó là ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất 61, tờ bản đồ số 30 của hộ ông T với thửa đất 54a, 54b tờ bản đồ số 08a của hộ anh Lê Văn Q. (theo biên bản và sơ đồ đo đạc ngày 21 tháng 01 năm 2014).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và chi phí thẩm định, định giá, quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/6/2014 ông T kháng cáo bản án sơ thẩm cho rằng ranh đất được hai bên thỏa thuận theo trụ đá số 1 giáp lộ nông thôn kéo đến trụ đá cặp mé mương của anh Q.

Ngày 24/6/2017 ông T chết. Tại phiên tòa phúc thẩm người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông T là anh Lê Phước D cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người được những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông T ủy quyền tham gia tố tụng vẫn giữ nguyên kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 20/2014/DS-ST ngày 13/6/2014 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến, quan điểm

của Viện kiểm sát về tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử công khai, đúng trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung và quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm nêu quan điểm như sau:

Nguồn gốc đất các bên đương sự sử dụng từ trước, không có tranh chấp được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nguyên đơn thừa nhận rằng phần tiếp giáp với phần diện tích của anh Q có một đoạn mương lạng và một đoạn mương có nước, đã có từ trước năm 1975, dưới lòng đất ở đoạn mương lạng có đặt ống bọng dẫn nước do hộ anh Q sử dụng từ khi mua đất năm 1974, ông T không ý kiến hay tranh chấp, anh D đã thừa nhận và cho rằng hộ ông T cho hộ của anh Q mượn, nhưng không có chứng cứ gì chứng minh, diện tích đất của ông T bị thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên yêu cầu trả lại. Qua các chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy diện tích đất của các đương sự điều thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bởi vì khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cơ quan có thẩm quyền không tiến hành đo đạc, nên kháng cáo của ông T, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông T là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận và giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem

xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát Tỉnh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2] Nguồn gốc đất của ông T mua từ năm 1978 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 16410 ngày 11/5/1992 trong đó có thửa 55a tờ bản đồ số 9 diện tích 300m^2 (T) và 840m^2 (LNK), khi chuyển đổi sang hệ thống bản đồ chính quy, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03085 ngày 25/5/2012 thuộc thửa 61 tờ bản đồ số 30 diện tích 1093m^2 , trong đó 300m^2 đất ở tại nông thôn và 793m^2 đất trồng cây lâu năm.

[3] Nguồn gốc đất của anh Q đang sử dụng là do ông Lê Văn B mua từ năm 1974, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 15170 ngày 03/3/1997 tổng diện tích 11.806m^2 trong đó có thửa 54a tờ bản đồ số 8a diện tích 598m^2 đất vườn, thửa 54b tờ bản đố số 8a diện tích 300m^2 đất thổ và 503m^2 đất vườn. Ngày 02/10/2012 anh Q được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 07568 thửa 54a tờ bản đồ số 8a diện tích 598m^2 đất trồng cây lâu năm và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 07569 ngày 02/12/2012 thửa 54b tờ bản đồ số 8a diện tích 803m^2 trong đó 300m^2 đất thổ và 503m^2 đất trồng cây lâu năm từ việc chuyển giao quyền sử dụng của ông B là cha của anh Q.

[4] Qua xem xét thẩm định, đo đạc thực tế ngày 14/8/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L cho thấy phần diện tích đất của ông T là 1.006m^2, của anh Q là 1.299m^2 cả hai phần đất này đều thiếu so với quyền sử dụng đất được cấp. Phần đất tranh chấp giữa ông T với anh Q có diện tích là 53,8m^2 được xác định từ các mốc số 1, 2, 3, 4, 5 trở về mốc số 1.

[5] Anh D là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông T, cũng là người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông T cho rằng các bên đã thỏa thuận với nhau về ranh đất có cấm trụ đá để xác định và dựa trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông T được cấp để yêu cầu anh Q trả đất. Đoạn thứ I đầu giáp lộ dal ở nông thôn có chiều ngang là

l,lm từ mốc số 1 đến mốc số 2, tính khoản cách giữa trụ đá do anh Q xác định đến trụ đá do ông T xác định theo sơ đồ đo đạc của cấp sơ thẩm để xác định là ranh, kéo đến giáp con mương của anh Q có chiều ngang tranh chấp là l,8m tính từ trụ tạm phía bên anh Q xác định là mốc số 3 kéo về phần đất của anh Q là mốc số 5 do ông T xác định, lấy mốc số 5 làm điểm và kéo từ mốc số 1 thông qua mốc số 5 và kéo đến trụ đá mốc số 4 các bên không tranh chấp để làm ranh, nhưng không được anh Q chấp nhận.

[6] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy việc sử dụng đất của các bên đương sự được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định, nhưng không có căn cứ cho rằng diện tích của ông T thiếu là do anh Q lấn chiếm và ngược lại diện tích của anh Q thiếu là do ông T lấn chiếm, nên ranh giới quyền sử dụng đất của các bên đương sự không thể xác định đúng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp. Bởi vì; theo Công văn số 85/CV-UBND-HC ngày 19/7/2016 của UBND huyện L xác định rằng khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các bên đương sự, cơ quan có thẩm quyền không tiến hành thẩm định, đo đạc diện tích.

[7] Tại phiên tòa hôm nay, các bên đương sự cũng thừa nhận rằng ở đoạn mương lạng tranh chấp ở mốc số 1, 2, 3, 5 dưới lòng đất có một ống bọng của hộ anh Q đặt, ống bọng có đường kính 25cm, đầu giáp lộ nông thôn nằm cách mốc số 1 là 0,8m kéo ngang qua mốc số 2 được kéo dài đến mốc số 3 vẫn tồn tại và anh Q đang sử dụng để dẫn nước từ sông sáng L vào phần mương tiếp giáp với mốc số 3 và số 5 đầu mương có chiều ngang là 2,5m kéo dài đến mốc số 4 có cạnh từ mốc số 3 đến mốc số 4 là 19,08m phần mương này các bên đương sự cũng thừa nhận rằng hiện do anh Q đang sử dụng, việc sử dụng phần mương, cũng như khi đặt ống bọng sử dụng dẫn nước hộ ông T đã thừa nhận và không yêu cầu gì. Nếu xét theo yêu cầu của anh D lấy điểm mốc số 1 kéo thông qua mốc số 5 kéo đến mốc số 4 để xác định là ranh giới quyền sử dụng đất, thì phần

tranh chấp một phần của đoạn mương có nước mà anh Q đang sử dụng được tiếp giáp với mốc số 3 và mốc số 5 đầu mương này có chiều ngang là 2,5m giao theo yêu cầu của anh D, đầu mương có cạnh chiều ngang ở mốc số 3 với mốc số 5 là 2,5m, cạnh chiều dài từ mốc số 5 đến mốc số 4 là 19,21m và cạnh chiều dài từ mốc số 3 đến mốc số 4 là 19,08m, điểm mốc số 4 bằng không (0) là hình tam giác, anh Q không còn đường để dẫn nước, nên yêu cầu này của anh D không có căn cứ. Xét yêu cầu của ông T (chết), anh D vừa là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông T và cũng là người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông T, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đ, chị H là không có cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận.

[8] Tại phiên tòa phúc thẩm anh Q cho rằng phần ranh giới quyền sử dụng đất giữa hai bên, sau khi ông T đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông B (bằng giấy tay), thì các bên có thương lượng làm hàng rào ngăn cách, nên xác định đó là ranh giới quyền sử dụng đất giữa hai bên. Theo quyết định của bản án sơ thẩm thì phần hàng rào này nằm bên ngoài diện tích ranh giới của các đương sự tranh chấp ở các mốc số 01, 02, 03, 04 theo sơ đồ thẩm định ngày 21/01/2014 của Tòa án nhân dân huyện L, cũng như nằm ngoài vị trí thẩm định ngày 14/8/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L. Đồng thời, sau khi xét xử anh Q và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo bản án sơ thẩm số 20/2014/DS-ST ngày 13/6/2014 của Tòa án nhân dân huyện L, nên lời trình bày của ông Q không có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông T (chết), anh D vừa là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông T và cũng là người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông T, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan là bà Đ, chị H và giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do kháng cáo của ông T (chết) những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông T là Lê Thị N, Lê Phước D, Lê Thị N1, Lê Phước L, không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự và các chi phí xem xét thẩm định theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo các số đo tại biên bản và sơ đồ thẩm định tại chỗ ngày 21/01/2014 của Tòa án nhân dân huyện L, trong thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm người kháng cáo có yêu cầu thẩm định lại được thực hiện theo sơ đồ đo đạc thẩm định tại chỗ ngày 14/8/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L, các mốc, số đo, do các đương sự thay đổi, di dời và lộ nông thôn được làm mới, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh lại cách tuyên án theo sơ đồ thẩm định ngày 14/8/2017.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 265 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 48 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Phước T là Lê Thị N, Lê Phước D, Lê Thị N1, Lê Phước L, đại diện theo ủy quyền là ông Lê Phước D.

Điều chỉnh về cách tuyên án của bản án sơ thẩm số 20/2014/DS-ST ngày 13/6/2014 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Lê Phước T (chết) những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Phước T là Lê Thị N, Lê Phước D, Lê Thị N1, Lê Phước L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Đ, Lê Phước D, Tiêu Thị Thu H. Về việc yêu cầu hộ anh Lê Văn Q trả lại phần diện tích lấn chiếm ở thửa đất 61, tờ bản đồ số 30.

Diện tích thửa đất số 61 của ông Lê Phước T, vị trí cạnh ở hướng Bắc tiếp giáp lộ dal nông thôn từ trụ đá giáp với ông Nguyễn Văn N kéo đến mốc số 02 có chiều ngang 17,87m (chưa tính phần tranh chấp).

Diện tích thửa đất số 54a; 54b của anh Lê Văn Q, vị trí cạnh ở hướng Bắc tiếp giáp lộ dal nông thôn từ trụ đá giáp với ông Đặng Văn P kéo đến mốc số 01 có chiều ngang 18,45m (chưa tính phần tranh chấp).

Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất 61, tờ bản đồ số 30 của hộ ông Lê Phước T tiếp giáp với thửa đất 54a, 54b tờ bản đồ số 08a của hộ anh Lê Văn Q vị trí tranh chấp trong các mốc 1, 2, 3, 4, 5 trở về mốc số 1 theo sơ đồ đo đạc thẩm định tại chỗ ngày 14/8/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L như sau:

Điểm Thứ I giáp đường dal lộ nông thôn từ mốc số 1 kéo về mốc số 2 có chiều ngang là 0,80m và từ mốc số 2 kéo trở về mốc số 1 có chiều ngang là 0,3m xác định là điểm thứ I.

Điểm thứ II là mốc số 3. Mốc số 3 được xác định cách mốc số 2 có chiều dài là 25,10m và có vị trí mốc gửi từ góc nhà của ông B đang sử dụng có một cạnh là 5,94 và một cạnh là 8,06m để xác định là điểm thứ II.

Điểm thứ III trụ đá là mốc số 4 (không tranh chấp) được xác định cách mốc số 3 có chiều dài 19,08m và có vị trí mốc gửi từ góc nhà của ông B đang sử dụng có cạnh là 13,72m để xác định là điểm thứ III.

Nối điểm thứ I đến điểm thứ II và điểm thứ III đó là ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất 61, tờ bản đồ số 30 của hộ ông Lê Phước T với thửa đất 54a, 54b tờ bản đồ số 08a của hộ anh Lê Văn Q.

(kèm theo sơ đồ đo đạc thẩm định tại chỗ phần đất tranh chấp giữa ông T (anh D đại diện) với hộ anh Q ngày 14/8/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L).

Ranh giới quyền sử dụng đất giữa các bên được xác định theo chiều thẳng đứng từ không gian xuống lòng đất, nếu cây trồng, vật kiến trúc của bên nào lấn sang phần đất của bên kia thì phải tháo dỡ, di dời. Khi bản án có hiệu lực pháp luật các bên đương sự được đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký, điều chỉnh lại quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai.

Về án Phí:

Lê Phước T, Nguyễn Thị Đ, Lê Phước D, Tiêu Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 217.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 400.000 đồng theo biên lai thu số 005449, ngày 05/12/2013 (200.000 đồng) và biên lai thu số 19822, ngày 24/02/2014 (200.000 đồng), ông T được nhận lại 183.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Do ông T chết, nên những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Phước T là Lê Thị N, Lê Phước D, Lê Thị N1, Lê Phước L được nhận lại 183.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Lê Văn Q, Lê Văn B, Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị Lệ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Về án phí phúc thẩm:

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Phước T là Lê Thị N, Lê Phước D, Lê Thị N1, Lê Phước L phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 020141 ngày 07/7/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp. (do Lê Phước D nộp thay)

Chi phí thẩm định, định giá:

Lê Phước T, Nguyễn Thị Đ, Lê Phước D, Tiêu Thị Thu H phải chịu chi phí thẩm định và định giá ở cấp sơ thẩm là 325.000 đồng đã nộp xong.

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Phước T là Lê Thị N, Lê Phước D, Lê Thị N1, Lê Phước L phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ ở cấp phúc thẩm là 4.110.000 đồng do Lê Phước D đã nộp xong.

Lê Văn Q, Lê Văn B, Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị Lệ H phải chịu chi phí thẩm định và định giá ở cấp sơ thẩm là 325.000 đồng do ông Lê Phước T tạm nộp xong, nên anh Lê Văn Q, ông Lê Văn B, bà Nguyễn Thị T và chị Nguyễn Thị Lệ H hoàn trả cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Phước T là Lê Thị N, Lê Phước Du, Lê Thị N1, Lê Phước L số tiền là 325.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguvện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh;
- TAND huyện L;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thanh Tấn